

**UBND QUẬN GÒ VẤP  
THCS LÝ TỰ TRỌNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 148/QĐ-THCSLT

Gò Vấp, ngày 11 tháng 10 năm 2022

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán quý 3 năm 2022 của Trường THCS Lý Tự Trọng**

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT – BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT – BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ vào kết quả tình hình thực hiện dự toán quý 3 năm 2022 của Trường THCS Lý Tự Trọng;

- Xét đề nghị của kế toán Trường THCS Lý Tự Trọng

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán quý 3 năm 2022 của Trường THCS Lý Tự Trọng (theo các biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Bộ phận tài chính Trường THCS Lý Tự Trọng thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TC.



*Dương Hữu Đức*

Đơn vị: Trường THCS Lý Tự Trọng  
Chương: 622

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 24/9/2018 của Bộ Tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gò Vấp, ngày 30 tháng 9 Năm 2022

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 03 NĂM 2022**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị  
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số  
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của  
Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự  
toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THCS Lý Tự Trọng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 03/2022 như sau:

*ĐV tính: đồng*

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>				
1	Số thu học phí		(145.268.005)	#DIV/0!	chỉ trc do chưa có nguồn thu
2	Chi từ nguồn thu học phí được để lại			#DIV/0!	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	-		#DIV/0!	
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	12.550.836.500	2.906.945.893	23%	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	11.639.263.680	2.906.945.893	25%	
a)	Chi thường xuyên (nguồn 13) CHI LƯƠNG VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG	10.709.103.680	2.059.649.336	19%	Chi lương và các hoạt động
b)	10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (không kể tiền lương, có tính chất lương) (nguồn 14)	930.160.000	847.296.557	91%	nguồn CCTL để lại
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên ( trợ cấp Tết của ủy ban : Phụ cấp Gv dạy học sinh hòa nhập)	911.572.820		0%	

**GHI CHÚ: NGÂN SÁCH CẤP 2022 GIẢM TIỀN HOẠT ĐỘNG THEO SỐ HỌC SINH 2.100HS\*800.000Đ/ HS/NĂM SO VỚI NĂM 2021 LÀ 2.100\*1.249.000/HS/NĂM, NGOÀI RA CẤP TIỀN LƯƠNG THEO ĐÚNG SỐ LƯỢNG BIÊN CHẾ THỰC TẾ CÓ MẶT TẠI THỜI ĐIỂM CẤP DỰ TOÁN 2022 SO VỚI NĂM 2021**

Gò Vấp, Ngày 30 tháng 9 năm 2022

Nhiệm trưởng



*Dương Hữu Đức*

**BẢNG THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
QUÝ 03 NĂM 2022**

**I. Tổng quan tình hình sử dụng dự toán năm 2022**

	<b>Nguồn 13 (chi thường xuyên lương và các hoạt động)</b>	<b>Nguồn 14 (10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên, nguồn CCTL)</b>	<b>Nguồn 14 (chi NQ 03)</b>	<b>Nguồn 12 (chi không thường xuyên PC ưu đãi GV Khuyết tật, trợ cấp tết UB)</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Tồn năm 2021 chuyển sang</b>	<b>135.575.126</b>		<b>3.624.900.333</b>		<b>135.575.126</b>
<b>Dự toán giao trong năm 2022</b>	10.709.103.680		930.160.000	911.572.820	<b>12.550.836.500</b>
<b>Dự toán đã sử dụng</b>	<b>6.567.450.310</b>	-	<b>2.007.967.547</b>	<b>217.949.805</b>	<b>8.792.017.662</b>
+ Quý 1	2.025.466.360			126.000.000	2.151.466.360
+ Quý 2	2.480.984.614		1.160.670.990	91.949.805	3.733.605.409
+ Quý 3	2.059.649.336		847.296.557	-	2.906.945.893
+ Quý 4				-	-
<b>Tồn cuối kỳ</b>	<b>4.277.228.496</b>	-	<b>2.547.092.786</b>	<b>693.623.015</b>	<b>7.517.944.297</b>

**II. Chi tiết tình hình sử dụng dự toán ngân sách theo nguồn kinh phí:**

**I/ Chi thường xuyên (nguồn 13) : 2.480.984.614**

<b>Mã nội dung kinh tế</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Dự toán đã sử dụng</b>	
		<b>Quý 03 /2022</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm</b>
<b>B</b>	<b>C</b>	<b>1</b>	<b>2</b>
		<b>2.059.649.336</b>	<b>6.567.450.310</b>
<b>6000</b>	<b>Tiền lương</b>	<b>1.154.019.901</b>	<b>3.424.109.400</b>
6001	Lương ngạch, bậc theo quỹ lương được duyệt	1.142.085.001	3.388.304.700
6002	Lương tập sự, công chức dự bị		-
6003	Lương hợp đồng dài hạn	11.934.900	35.804.700
<b>6050</b>	<b>Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng</b>	<b>56.160.000</b>	<b>162.240.000</b>
6051	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	56.160.000	162.240.000
<b>6100</b>	<b>Phụ cấp lương</b>	<b>492.640.050</b>	<b>1.742.075.400</b>
6101	Phụ cấp chức vụ	17.656.500	52.969.500
6105	Phụ cấp thêm giờ	-	290.757.042
6107	Phụ cấp độc hại	894.000	2.682.000
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	335.565.851	988.813.799
6113	Phụ cấp theo nghề, theo công việc	2.235.000	6.705.000
6115	Phụ cấp thâm niên nghề	136.288.699	400.148.059
6117	Phụ cấp thâm niên vượt khung	-	-
6149	Khác	-	-
<b>6300</b>	<b>Các khoản đóng góp</b>	<b>320.569.385</b>	<b>949.274.690</b>
6301	Bảo hiểm xã hội	238.721.893	706.906.711

6302	Bảo hiểm y tế	40.923.755	121.184.019
6303	Kinh phí công đoàn	27.282.479	80.789.259
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	13.641.258	40.394.701
<b>6400</b>	<b>Các khoản thanh toán khác cho cá nhân</b>	<b>13.350.000</b>	<b>44.201.600</b>
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác	13.350.000	44.201.600
<b>6500</b>	<b>Thanh toán dịch vụ công cộng</b>	-	-
6501	Chi thanh toán tiền điện	-	-
6502	Chi thanh toán tiền nước	-	-
<b>6550</b>	<b>Vật tư văn phòng</b>	-	-
6551	văn phòng phẩm	-	-
6552	Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng	-	-
6599	Vật tư văn phòng khác	-	-
<b>6600</b>	<b>Thông tin, tuyên truyền, liên lạc</b>	<b>1.360.000</b>	<b>16.533.000</b>
6601	Cước phí điện thoại trong nước	-	-
6605	Cước phí Internet, phương tiện điện tử	-	-
6608	sách, báo, tạp chí, in ấn	1.360.000	16.533.000
<b>6700</b>	<b>Công tác phí</b>	<b>5.400.000</b>	<b>16.200.000</b>
6704	Khoản công tác phí	5.400.000	16.200.000
<b>6750</b>	<b>Chi phí thuê mướn</b>	<b>16.150.000</b>	<b>100.880.000</b>
6757	Thuê lao động trong nước	16.150.000	100.880.000
6799	Chi phí thuê mướn khác	-	-
<b>6900</b>	<b>Sửa chữa tài sản phụ vụ công tác chuyên môn và duy tu bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ KPTX</b>	-	<b>24.218.700</b>
6907	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác nhà cửa	-	24.218.700
<b>7000</b>	<b>Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành</b>	-	<b>87.717.520</b>
7001	Đồ dùng chuyên môn	-	55.248.720
7004		-	2.968.800
7006	Sách, tài liệu, chế độ dùng cho công tác chuyên môn của ngành	-	-
7053	Chi phí khác	-	29.500.000
<b>9050</b>	<b>Mua sắm tài sản dùng cho công tác chuyên môn</b>	-	-
9099	Tài sản khác	-	-

## 2/Chi thường xuyên (nguồn 14) :nguồn CCTL

- Tăng lương theo Nghị định 47/2017/NĐ-CP: đồng.
- Chi Nghị quyết 03 : 847.296.557 đồng.

## 3/Chi không thường xuyên (nguồn 12) :

- GV dạy học sinh hòa nhập:
- Tiền sửa học đường :

*Lớp học*  
*Đường Quỳnh Trang*



*Đường Kiều Đức*